

Bản án số: 30/2019/HS-ST
Ngày 04-10-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga

Thẩm phán: Ông Bùi Văn Bình

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Thanh Tuyết

Ông Chung Nguyễn Hữu Thiện

Ông Phạm Quang Hà

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Hiếu-Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:
Ông Lưu Văn Cẩm –Kiểm sát viên trung cấp.

Trong các ngày 27 tháng 9 và 04 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 31/2019/HSST ngày 15 tháng 8 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2019/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 9 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Sang T (tên gọi khác: Không), sinh năm 1997 tại B P; Nơi cư trú: Ấp 4, xã T, TP Đ, tỉnh P; quốc tịch Việt Nam; dân tộc kinh; tôn giáo không; trình độ văn hóa 12/12; nghề nghiệp Làm rẫy; con ông Nguyễn Xuân K và bà Hoàng Thị H; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/8/2018 cho đến nay “có mặt”.

2. Nguyễn Văn H (tên gọi khác: Không), sinh năm 1999 tại B P; Nơi cư trú: Ấp 4, xã T, TP Đ, tỉnh P; quốc tịch Việt Nam; dân tộc kinh; tôn giáo không; trình độ văn hóa 9/12; nghề nghiệp Làm thuê; con ông Nguyễn công H và bà Nguyễn Thị T; bị cáo sống chung như vợ chồng với chị Nguyễn Võ Hoàng H, sinh năm 2000; bị cáo chưa có con; tiền án, tiền sự không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 21/8/2018 đến ngày 30/8/2018 được tại ngoại, bị bắt tạm giam từ ngày 15/01/2019 cho đến nay “có mặt”.

3. Bùi Nhật T (tên gọi khác: Không), sinh năm 1994 tại B P; Nơi cư trú: Ấp 6, xã T, TP Đ, tỉnh P; quốc tịch Việt Nam; dân tộc kinh; tôn giáo không; trình độ văn hóa 6/12; nghề nghiệp Làm rẫy; con ông Bùi Viết T (đã chết) và bà Nguyễn Thị H; bị cáo chưa có vợ con; tiền sự không; tiền án: (1) Năm 2013 bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài xử phạt 05 năm tù giam về tội “Cướp tài sản”, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt ngày 10/5/2017; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 21/8/2018 đến ngày

30/8/2018 được tại ngoại, bị bắt tạm giam từ ngày 15/01/2019 cho đến nay “có mặt”.

4. Phạm Văn H (tên gọi khác: Không), sinh năm 1996 tại B P; Nơi cư trú: Ấp 6, xã T, TP Đ, tỉnh P; quốc tịch Việt Nam; dân tộc kinh; tôn giáo không; trình độ văn hóa 12/12; nghề nghiệp Làm Thạch Cao; con ông Phạm Văn H và bà Nguyễn Thị S; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 21/8/2018 đến ngày 30/8/2018 được tại ngoại, bị bắt tạm giam từ ngày 15/01/2019 cho đến nay “có mặt”.

5. Lê Hoài P (tên gọi khác: Cò) sinh năm 1994 tại B P; Nơi cư trú: Ấp 2, xã T, TP Đ, tỉnh P; quốc tịch Việt Nam; dân tộc kinh; tôn giáo không; trình độ văn hóa 12/12; nghề nghiệp Làm thuê; con ông Lê Văn P và bà Ngô Thị T; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 16/8/2018 đến ngày 25/8/2018 được tại ngoại, bị bắt tạm giam từ ngày 15/01/2019 cho đến nay “có mặt”.

6. Nguyễn Quốc H (tên gọi khác: Cún), sinh năm 1996 tại B P; Nơi cư trú: Ấp 4, xã T, TP Đ, tỉnh P; quốc tịch Việt Nam; dân tộc kinh; tôn giáo không; trình độ văn hóa 12/12; nghề nghiệp Làm thuê; con ông Nguyễn Anh D và bà Ngô Thị V; bị cáo chưa có vợ con; tiền án không; tiền sự: Năm 2018 bị Chủ tịch UBND xã Tân T áp dụng biện pháp giáo dục và Cai nghiện tự nguyện tại cộng đồng; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 15/01/2019 đến nay “có mặt”.

7. Nguyễn Vũ T (tên gọi khác: không), sinh năm 1996 tại B P; Nơi cư trú: Ấp 6, xã T, TP Đ, tỉnh P; quốc tịch Việt Nam; dân tộc kinh; tôn giáo Thiên chúa; trình độ văn hóa 9/12; nghề nghiệp Làm thuê; con ông Nguyễn Văn S và bà Vũ Thị T; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 21/8/2018 đến ngày 30/8/2018 được tại ngoại, bị bắt tạm giam từ ngày 15/01/2019 cho đến nay “có mặt”.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Sang T:* Luật sư **Nguyễn Minh Đăng** – Văn phòng luật sư Đăng Minh thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Phước “có mặt”.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn H:* Luật sư **Lê Minh Tâm** – Văn phòng luật sư Minh Danh thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Phước “có mặt”.

- *Người bào chữa cho bị cáo Bùi Nhật T:* Luật sư **Ngô Quốc Chiến** – Văn phòng luật sư Quốc Tế thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bình Phước “có mặt”.

- *Người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn H:* Luật sư **Vương Quốc Quỳnh** – Văn phòng luật sư Quốc Vương thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Phước “có mặt”.

- *Người bào chữa cho bị cáo Lê Hoài P:* Luật sư **Hồ phương Bình** – Văn phòng luật sư T Vinh thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Phước “có mặt”.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Quốc H:* Luật sư **Trần Quốc Vương** – Công ty Luật TNHH MTV Công Lý thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Phước “có mặt”.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Vũ T:* Luật sư **Nguyễn Văn Ngôn** – Văn phòng luật sư Dương Chí thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Phước “có mặt”.

- *Bị hại:* Anh **Vũ Văn T**, sinh năm 1982, nơi cư trú: Xóm 5, thôn Ng, xã T L, huyện Tiền H, tỉnh T B (đã chết).

- *Người đại diện hợp pháp của bị hại:*

1. Ông **Vũ Ngọc S**, sinh năm 1950 - Bố ruột của bị hại, nơi cư trú: Xóm 5, thôn N, xã L, huyện H, tỉnh T “có mặt”.

2. Bà **Tô Thị L**, sinh năm 1954 – Mẹ ruột của bị hại, nơi cư trú: Xóm 5, thôn N, xã Tây L, huyện H, tỉnh T “vắng mặt”.

(Bà L ủy quyền cho ông S tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền ngày 27/11/2018)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1997, nơi cư trú: Ấp 2, xã T, TP Đ, tỉnh P “có mặt”.

2. Anh **Vũ Văn C**, sinh năm 1984, nơi cư trú: Ấp 3, xã T, TP Đ, tỉnh P “có mặt”.

3. Anh **Vũ Đình U**, sinh năm 1995, nơi cư trú: Ấp 2, xã T, TP Đ, tỉnh P “có mặt”.

4. Anh **Hà Văn S**, sinh năm 1982, nơi cư trú: Ấp 2, xã T, TP Đ, tỉnh P “có mặt”.

5. Anh **Đặng Công N**, sinh năm 1995, nơi cư trú: Ấp 6, xã T, TP Đ, tỉnh P “có đơn xin vắng mặt”.

6. Ông **Nguyễn Xuân K**, sinh năm 1968, nơi cư trú: Ấp 4, xã T, TP Đ, tỉnh P “có mặt”.

7. Chị **Lê Thị T**, sinh năm 1990, nơi cư trú: Khu phố T B, phường T B, TP Đ, tỉnh P “có đơn xin vắng mặt”.

8. Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1970, nơi cư trú: Ấp 4, xã T, TP Đ, tỉnh P “có mặt”.

9. Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1975, nơi cư trú: Ấp 6, xã T, TP Đ, tỉnh P “có mặt”.

10. Ông **Phạm Văn H**, sinh năm 1967, nơi cư trú: Ấp 6, xã T, TP Đ, tỉnh P “có mặt”.

11. Bà **Ngô Thị T**, sinh năm 1966, nơi cư trú: Ấp 2, xã T, TP Đ, tỉnh P “có mặt”.

12. Bà **Ngô Thị V**, sinh năm 1976, nơi cư trú: Ấp 4, xã T, TP Đ, tỉnh P “có mặt”.

13. Ông **Nguyễn Văn S**, sinh năm 1963, nơi cư trú: Ấp 4, xã T, TP Đ, tỉnh P “có mặt”.

- *Người làm chứng:*

1. Bà **Võ Thị Nh**, sinh năm 1977, nơi cư trú: Ấp 2, xã T, TP Đ, tỉnh P “vắng mặt”.
2. Bà **Đỗ Thị H**, sinh năm 1968, nơi cư trú: Ấp 2, xã T, TP Đ, tỉnh P “có mặt”.
3. Chị **Lê Thị Y**, sinh năm 1984, nơi cư trú: Ấp 3, xã T, TP Đ, tỉnh P “có mặt”.
4. Bà **Hoàng Thị H**, sinh năm 1978, nơi cư trú: Ấp 4, xã T, TP Đ, tỉnh P “có mặt”.
5. Anh **Phạm Văn H**, sinh năm 1999, nơi cư trú: Ấp 6, xã T, TP Đ, tỉnh P “có mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 08/8/2018, Vũ Văn T vay Nguyễn Sang T số tiền 55.000.000đ (năm mươi lăm triệu đồng), T nhờ Nguyễn Văn H (H T) đem tiền đến đưa cho T. Tối ngày 08/8/2018, T nói với Vũ Văn C (là em trai của T), sinh năm 1984, trú tại ấp 3, xã T, TP Đ, tỉnh P biết, T có vay 55.000.000đ và đánh bài thua hết và đến sáng ngày 09/8/2018, T đi thành phố Hồ Chí Minh để vay tiền về trả nợ. Nghĩ T bỏ trốn nên Nguyễn Văn H đến gặp và nói với C “T vay trong thời gian từ 01 đến 02 ngày thì sẽ không tính lãi, nếu để lâu thì sẽ tính lãi cao (10.000đ/triệu/ngày)” thì C đồng ý và hứa sẽ trả tiền nợ thay cho T.

Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 14/8/2018, Nguyễn Văn H đi bộ đến công nhà T gặp và rủ T đi uống cà phê. Lúc này, C điện thoại cho H xin kéo dài thời gian trả nợ và trách H là tính lãi cao. Trong lúc C và H nói chuyện điện thoại thì T nghe thấy, C nói là số tiền vay H tính lãi suất 10.000đ/triệu/ngày nên T bức tức và gọi điện thoại cho H nói “nếu tính lãi suất như vậy thì T sẽ không trả” H đưa điện thoại cho T nói chuyện. T nói “tính lãi suất 10.000đ/triệu/ngày thì T sẽ không trả tiền và thách thức đánh nhau” nên T bức tức và nảy sinh ý định đánh T và C để cảnh cáo.

Liên lúc này, T mượn điện thoại của Nguyễn Văn H gọi cho Bùi Nhật T (T H) và gọi cho Phạm Văn H (H H) nói lên nhà T có chuyện thì T và Phạm Văn H đồng ý, do T đang đi cùng với Nguyễn Vũ T nên T rủ T cùng đi lên xã Tân T có chuyện. Sau khi gọi điện thoại cho T và H xong, T đi vào nhà lấy 01 con dao rựa (dạng dao phát) dài 80cm, cán dao bằng gỗ dài 50cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 30cm, phần lưỡi dao được mài sắc gọn, mũi dao nhọn, rồi tiếp tục đi đến hàng rào trước nhà lấy 03 khúc cây tầm vông, mỗi cây dài khoảng 1,5m mang ra để ở trước cổng nhà. Lúc này, Nguyễn Văn T điều khiển xe mô tô hiệu SH biển số 93P1 – 912.17 đến rủ T đi chơi thì gặp T và Nguyễn Văn H đang đứng ở cổng. Ngay sau đó T điều khiển xe mô tô hiệu Winner biển số 93P2 – 187.73 chở T đến và để T ở đó. T nói T đi đón Phạm Văn H thì T tiếp tục đi chở Phạm Văn H đến. Sau đó, Lê Hoài P (Cò) điều khiển xe mô tô hiệu Sirius biển số 93P1 – 200.29 chở Nguyễn Quốc H đến nhà T để trả nợ số tiền 10.000.000đ P vay T trước đó thì gặp tất cả đã chuẩn bị hung khí đứng trước cổng nhà T. Lúc này T, H (T), H (H), T, T, T, H và

P có mặt và đứng trước cổng nhà T, T nói “anh em nhà C và T mượn tiền nhưng không trả mà còn thách thức đánh nhau và rủ tất cả đi tìm C và T để đánh” thì tất cả đồng ý. Riêng Nguyễn Văn T, do quen biết với C và T nên T nói “để T lên nói chuyện giải hòa cho”, thì T nói T “chờ T đi theo”.

T đưa cho Phạm Văn H và Nguyễn Quốc H mỗi người 01 khúc cây tầm vông, T cầm 01 khúc cây tầm vông rồi ngồi lên xe của T, Nguyễn Văn H tự nhặt 01 khúc cây tầm vông có sẵn trước cổng nhà T rồi lên xe của T ngồi cùng với T, Bùi Nhật T tự đi đến nhặt con dao rựa mà T mang ra để ở trước cổng. T điều khiển xe mô tô biển số 93P1 – 912.17 chở T và Nguyễn Văn H đi trước, T điều khiển xe mô tô biển số 93P2 – 187.73 chở Phạm Văn H và T đi sau xe của T, đi được khoảng 05m thì con dao bị vướng nên T ra sau ngồi để T điều khiển xe, P điều khiển xe mô tô biển số 93P1 – 200.29 chở H rồi tất cả cùng đi theo đường Quốc lộ 14 đến phòng trọ của C tại ấp 3, xã Tân T, thành phố Đồng Xoài. T điều khiển xe mô tô đi qua và dừng cách cửa phòng trọ của C khoảng 13 mét, P điều khiển xe mô tô đi qua xe của T rồi vòng lại đi ra hướng đường Quốc lộ 14, khi P quay xe lại thì H nhảy xuống xe và vứt khúc cây tầm vông xuống đường, P dừng xe cách phòng trọ của C khoảng 24 mét. T điều khiển xe mô tô dừng ở ngoài đường cách cửa phòng trọ C khoảng 07- 08 mét. Lúc này, tại phòng trọ có C, T, Hà Văn S, sinh năm 1982 và Vũ Đình U, sinh năm 1995 đang ngồi uống rượu. Thấy vậy T cầm khúc cây tầm vông mang theo đi vào phòng trọ của C thì T đi theo phía sau T, Nguyễn Văn H đứng ngoài xe, thấy T cầm cây từ ngoài đường đi vào thì U và Sinh đứng dậy đi ra trước cửa phòng trọ, T giơ khúc cây tầm vông lên định đánh về phía U và S thì T can ngăn giằng lấy khúc cây tầm vông từ tay của T và vứt xuống đất đồng thời đứng bên hông phòng trọ của C. Cùng lúc này T cầm con dao rựa đi vào thì T cầm 01 con dao tự chế dài 62cm và C cầm 01 con dao dài khoảng 40cm cùng chạy ra trước cửa phòng trọ thì T cầm con dao rựa mang theo ném về phía T nhưng không trúng nên bị T xông đến dùng dao chém vào lưng làm T ngã ngửa xuống đất, T tiếp tục cầm dao chém thì T giơ chân lên đỡ nên bị chém trúng bàn chân trái, thấy T bị chém nằm dưới đất, thấy vậy T nhặt con dao rựa của T ở dưới đất lên và chém 01 nhát từ trên xuống trúng vào vùng đầu T làm T gục ngã xuống đất, T vứt dao tại chỗ rồi bỏ chạy ra hướng đường Quốc lộ 14 thì gặp P đang đứng đó, T lên xe để P chở về, trên đường về T nói “anh Cò (P) ơi em lỡ chém trúng đầu ông T rồi”. Trong lúc T đang dùng dao chém T thì C cầm dao chạy ra ngoài đường, thấy C cầm dao thì T cởi nón bảo hiểm đang đội trên đầu ném về phía C rồi cùng với Nguyễn Văn H và Phạm Văn H bỏ chạy về hướng bệnh xá K23, C đuổi theo được khoảng 06 – 07 mét thì quay lại thấy T đã bị chém nằm dưới đất. T và Phạm Văn H quay lại thấy T bị thương nên đỡ T tiếp tục bỏ chạy về hướng bệnh xá K23. Sau đó, T đưa T đi cấp cứu tại Bệnh viện Thánh Tâm còn Nguyễn Văn H bỏ đi về nhà. Thấy T bị chém nằm dưới đất nên H đỡ T dậy rồi cùng U đưa T đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Phước, sau đó H điện thoại cho P đến chở về, T sau đó chuyển đến Bệnh viện Chợ Rẫy cấp cứu, đến ngày 20/8/2018 thì tử vong.

Do khi bị đuổi đánh, T để lại chiếc xe mô tô biển số 93P2 – 187.73, nên điện thoại cho Đặng Công N, sinh năm 1995, HKTT: Ấp 6, xã T, TP Đ, tỉnh P đến lấy xe về giúp thì Nguyễn điều khiển xe mô tô hiệu sirius biển số 93P1 – 455.10 chở Phạm Văn H, sinh năm 1999, HKTT: Ấp 6, xã T, TP Đ, tỉnh P đến phòng trọ của

C, nghĩ N và H là bạn của T đến đánh nhau nên C cầm dao đuổi theo thì N để lại xe mô tô hiệu sirius biển số 93P1 – 455.10 rồi bỏ chạy.

Ngày 16/8/2018 Lê Hoài P, Nguyễn Quốc H ra đầu thú; ngày 20/8/2018 Bùi Nhật T, Nguyễn Sang T; Nguyễn Văn H; Nguyễn Văn T ra đầu thú; ngày 21/8/2018 Nguyễn Vũ T, Phạm Văn H ra đầu thú khai nhận toàn bộ sự việc trên.

Quá trình điều tra, Nguyễn Sang T khai mục đích đi đến phòng trọ của C là để đánh Vũ Đình U vì khi T nói chuyện với T và xảy ra mâu thuẫn thì U là người thách thức đánh nhau với T. Tuy nhiên, căn cứ vào lời khai của Vũ Văn C, Vũ Đình U và lời khai của Hà Văn Sinh xác định khi T nói chuyện điện thoại với C và T thì U chưa có mặt tại nhà C nên việc T khai có mâu thuẫn với U vì U thách thức đánh nhau qua nói chuyện điện thoại là không có căn cứ.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về tử thi số: 256/2018/GDPY ngày 29/8/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự C an tỉnh Bình Phước kết luận đối với nạn nhân Vũ Văn T:

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Đứt da vùng thái dương phải.
- Đứt xương sọ.
- Xuất huyết nội sọ.
- Giập não.

2. Nguyên nhân chết: Nạn nhân Vũ Văn T, sinh năm 1982 tử vong do vết thương sọ não hở gây đứt sọ, dập não xuất huyết, hôn mê sâu không hồi phục.

3. Kết luận khác (nếu có): Không.

Tại Bản kết luận giám định pháp y số: 3578/C09B ngày 04/10/2018 của Phân viện khoa H hình sự tại T phố Hồ Chí Minh kết luận:

- Các dấu vết màu nâu thu trên lưỡi dao tự chế, lưỡi dao rựa (vị trí số 1), các dấu vết thu tại vị trí số 2, 8 và 9 đều là máu người. Phân tích kiểu gen từ các dấu vết máu này cho kết quả như sau:

- Kiểu gen trên lưỡi dao rựa trùng với kiểu gen tại vị trí số 2 và kiểu gen của Vũ Văn T.

- Kiểu gen của Vũ Văn T trùng với kiểu gen tại vị trí số 2.

- Kiểu gen của Bùi Nhật T trùng với kiểu gen tại vị trí số 8 và số 9.

- Phân tích được 01 locus gen quy định giới tính nam (XY) từ dấu vết trên lưỡi dao tự chế thu tại vị trí số 1, không phân tích được kiểu gen đầy đủ từ dấu vết máu này do lượng mẫu kém nên không truy nguyên được cá thể.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 262/2018/TgT ngày 29/8/2018 của Trung tâm Pháp y – Sở Y tế tỉnh Bình Phước kết luận đối với Bùi Nhật T:

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Sẹo xước da sau vai trái kích thước (8,5 x 0,2)cm mềm: 01%.
- Sẹo trầy da gôi phải kích thước (02 x 0,8)cm mềm: 01%.
- Sẹo dọc gan bàn chân trái tương ứng xương bàn I – II kích thước (07 x 0,2)cm gọn, cứng, hạn chế gấp ngón I, II: 08%.

2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 10% (mười phần trăm).

3. Kết luận khác: Không.

Tại Bản kết luận giám định pháp y qua hồ sơ số: 337/2018/TgT ngày 21/12/2018 của Trung tâm Pháp y – Sở Y tế tỉnh Bình Phước kết luận: Con dao (vật chứng gửi giám định) khi tác động vào cơ thể bằng phần lưỡi sắc có thể gây ra được thương tích ở vùng sau vai trái và bàn chân trái của Bùi Nhật T; T hợp tác động bằng sống dao không thể gây ra được những tổn thương này.

Tại Bản kết luận giám định pháp y qua hồ sơ số: 338/2018/TgT ngày 11/3/2019 của Trung tâm Pháp y – Sở Y tế tỉnh Bình Phước kết luận: Con dao rựa thu tại vị trí số 1 (vật chứng gửi giám định) khi tác động bằng phần lưỡi vào đầu có thể gây ra được tổn thương vùng đầu của nạn nhân Vũ Văn T.

Vật chứng của vụ án:

Ngày 14/8/2018, Cơ quan CSĐT Công an thành phố Đồng Xoài đã tiến hành khám nghiệm hiện trường và thu giữ:

- 01 đoạn cây khô (loại tre tầm vông), dài 1,45m, đường K 04cm; 01 đoạn cây khô (loại tre tầm vông), dài 1,34m, đường K 04cm tại vị trí số 1.

- 01 con dao rựa (dạng dao phát), kích thước (80 x 6,5)cm, cán dao bằng gỗ dài 50cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 30cm, phần lưỡi dao được mài sắc gọn, mũi dao nhọn, kiểm tra trên đầu của lưỡi dao có vết màu nâu đỏ đã khô bám dính (nghỉ là máu) tại vị trí số 1; 01 con dao tự chế bằng kim loại, kích thước (62 x 05)cm, cán dài 17cm, phần lưỡi dài 45cm, bị uốn cong, phần lưỡi dao được mài sắc gọn, mũi dao nhọn, kiểm tra trên đầu của lưỡi dao có vết màu nâu đỏ đã khô bám dính (nghỉ là máu) tại vị trí số 1.

- 02 ghế nhựa màu đỏ.

- 01 mũ bảo hiểm màu trắng, trên mũ có chữ HONDA – YAMAHA TUỜNG VÂN.

- 01 đôi dép đế quai kẹp kích thước (25 x 10)cm, dạng hai quai, màu xanh, trên dép có ghi chữ CONVERSE.

- 01 đôi dép đế quai kẹp có cùng kích thước (26,5 x 10,5)cm, dạng hai quai màu vàng, trên dép có chữ CHAOF A.

- 01 đôi dép dạng quai ngang màu xám, kích thước (27 x 10,5)cm.

- 01 áo sơ mi màu trắng dài tay của Nguyễn Sang T, trên cổ áo có hoa văn hình lông chim màu xanh đen, có chữ GARMENT ORIGINAL.

- 01 điện thoại Iphone 6S plus màu đen – xám, số sim: 01627.111.114 và 01 điện thoại Nokia 105 màu đen, số sim: 01685.999.993 của bị cáo Lê Hoài P.

- Đối với 01 xe mô tô hiệu Sirius, biển kiểm soát 93P1 – 455.10, ngày 18/01/2019 Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Bình Phước đã xử lý vật chứng, trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Đặng Công N.

- Đối với 01 xe mô tô hiệu Winer màu xanh trắng, biển kiểm soát 93P2 – 187.73, giấy chứng nhận mang tên Bùi Nhật T, đây là tài sản của bà Nguyễn Thị H (mẹ ruột của T) đứng ra mua và trả góp hàng tháng và nhờ T đứng tên. Viện KSND tỉnh Bình Phước nhận thấy đây là phương tiện dùng vào việc phạm tội, nhưng chứng minh chủ sở hữu không có lỗi, nên đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là bà Nguyễn Thị H.

- Đối với 01 xe mô tô, loại xe sirius, biển kiểm soát 93P1 – 200.29 là của chị Lê Thị Thu (chị gái của P) cho Lê Hoài P mượn để đi chơi, chị T không biết Lê

Hoài P dùng vào việc phạm tội nên Viện KSND tỉnh Bình Phước đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là chị Lê Thị T.

- Đối với 01 xe mô tô loại xe SH màu trắng, biển kiểm soát 93P1 – 912.17 là của Nguyễn Văn T điều khiển chở bị cáo Nguyễn Sang T đến phòng trọ của Vũ Văn C với mục đích để can ngăn, giải hòa. Do T không đồng phạm với T nên Viện KSND tỉnh Bình Phước đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Nguyễn Văn T.

Phân trách nhiệm dân sự: Các bị cáo Nguyễn Sang T; Nguyễn Văn H; Bùi Nhật T; Phạm Văn H; Nguyễn Quốc H; Lê Hoài P và Nguyễn Vũ T đã tác động gia đình bồi thường số tiền 185.000.000đ (một trăm tám mươi lăm triệu đồng). Trong đó: Gia đình bị cáo Nguyễn Sang T bồi thường số tiền 111.000.000đ; gia đình bị cáo Nguyễn Văn H bồi thường số tiền 17.000.000đ; gia đình bị cáo Lê Hoài P bồi thường số tiền 17.000.000đ; gia đình bị cáo Bùi Nhật T bồi thường số tiền 10.000.000đ; gia đình bị cáo Phạm Văn H bồi thường số tiền 10.000.000đ; gia đình bị cáo Nguyễn Quốc H bồi thường số tiền 10.000.000đ; gia đình bị cáo Nguyễn Vũ T bồi thường số tiền 10.000.000đ. Người đại diện hợp pháp của người bị hại Vũ Văn T đã nhận đủ số tiền và không có yêu cầu gì thêm.

Tại Cáo trạng số 29/CTr-VKS ngày 12 tháng 8 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước truy tố các bị cáo Nguyễn Sang T, Nguyễn Văn H, Phạm Văn H, Lê Hoài P, Nguyễn Quốc H và Nguyễn Vũ T về tội “Giết người” theo điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; truy tố bị cáo Bùi Nhật T về tội “Giết người” theo điểm n, p khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

- Các bị cáo Nguyễn Sang T; Nguyễn Văn H; Bùi Nhật T; Phạm Văn H; Lê Hoài P; Nguyễn Quốc H và Nguyễn Vũ T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Bản cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước đã truy tố đối với các bị cáo. Các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

- Đại diện hợp pháp của bị hại ông Vũ Ngọc S yêu cầu các bị cáo phải liên đới bồi thường tiền tổn thất tinh thần do tính mạng của bị hại Vũ Văn T bị xâm phạm với số tiền 120 triệu đồng và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

- Các bị cáo đồng ý liên đới bồi thường số tiền 120 triệu đồng tiền tổn thất tinh thần do tính mạng của bị hại Vũ Văn T bị xâm phạm mà đại diện hợp pháp của bị hại ông Vũ Ngọc S yêu cầu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước giữ nguyên quan điểm truy tố của Cáo trạng số 29/CTr-VKS ngày 12 tháng 8 năm 2019 và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Sang T, Nguyễn Văn H, Phạm Văn H, Lê Hoài P, Nguyễn Quốc H và Nguyễn Vũ T phạm tội “Giết người” theo điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; bị cáo Bùi Nhật T phạm tội “Giết người” theo điểm n, p khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Áp dụng pháp luật và hình phạt:

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Sang T** mức án tù từ 14 đến 15 năm tù.

Áp dụng điểm n, p khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 54; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo **Bùi Nhật T** mức án tù từ 10 đến 11 năm tù.

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 38; Điều 50; Điều 54; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn H** mức án tù từ 08 đến 09 năm tù.

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 38; Điều 50; Điều 54; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo **Phạm Văn H** mức án tù từ 08 đến 09 năm tù.

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 38; Điều 50; Điều 54; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo **Lê Hoài P** mức án tù từ 07 đến 08 năm tù.

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 38; Điều 50; Điều 54; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Quốc H** mức án tù từ 07 đến 08 năm tù.

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 38; Điều 50; Điều 54; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Vũ T** mức án tù từ 08 đến 09 năm tù.

Đề nghị xử lý vật chứng và bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

- Các người bào chữa cho các bị cáo phát biểu: Không thống nhất với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về tội danh cũng như mức hình phạt áp dụng đối với các bị cáo.

*Luật sư Nguyễn Minh Đăng trình bày lời bào chữa cho bị cáo Nguyễn Sang T: Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội “Giết người” theo điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự là chưa có căn cứ, vì bị hại T mượn tiền của bị cáo T không trả và có sự đe dọa thách thức bị cáo T đánh nhau. Khi T đến nhà T để giải quyết vấn đề nợ nần thì T cầm dao ra chém T, khi T ngã thì T tiếp tục chém T, lúc này do phòng vệ T mới nhặt một con dao chém trúng T. Hành vi của bị cáo chỉ phạm tội cố ý gây thương tích dẫn đến chết người chứ không phải phạm tội giết người. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chuyển tội danh từ “Giết người” sang tội “Cố ý gây thương tích” và xét xử bị cáo dưới khung hình phạt với mức án tại khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự.

*Luật sư Lê Minh Tâm, Vương Quốc Quỳnh, Hồ PH Bình, Trần Quốc Vương, Nguyễn Văn Ngôn trình bày lời bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Văn H, Phạm Văn H, Lê Hoài P, Nguyễn Quốc H, Nguyễn Vũ T:

Thông nhất với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về mặt tội danh truy tố các bị cáo phạm tội “Giết người” nhưng không thống nhất với điều khoản “Có tính chất côn đồ” mà đại diện Viện kiểm sát đã truy tố đối với các bị cáo, bởi lẽ:

- Nguyên nhân chính trong vụ án là do lỗi của bị hại, mượn tiền không trả lại còn thách thức đánh nhau. Việc các bị cáo đến nhà anh em C, T là để đánh dần mặt vì việc làm trái pháp luật của bị hại, khi đến thì T dơ cây lên định đánh U và Sinh thì được can ngăn, bị cáo T đứng lại chứ không có việc quyết tâm đánh anh T. Sự việc đã dừng lại nếu anh T không có hành vi chống trả các bị cáo. Khi T cầm cây rựa đến đã bị T cầm dao từ trong nhà lao ra, T đã vút dao rựa bỏ chạy và bị T liên tiếp chém vào lưng, vào bàn chân của T. Lúc này do phòng vệ T mới nhặt một con dao lên và chém trúng T để giải vây cho T, các bị cáo không mong muốn hậu quả chết người. Như vậy, việc truy tố của Viện kiểm sát với tình tiết định khung “Có tính chất côn đồ” tại điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự năm 2015 là không phù hợp mà áp dụng khoản 2 Điều 123 Bộ luật hình sự để truy tố đối với các bị cáo là phù hợp.

- Mức án mà đại diện Viện kiểm sát đưa ra đối với các bị cáo là quá nghiêm khắc, vì vai trò của các bị cáo rất mờ nhạt trong vụ án. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo đã ra đầu thú, T khẩn khai báo, tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho bị hại, gia đình bị hại bãi nại và xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; trong vụ án này người bị hại cũng có phần lỗi để xử phạt các bị cáo mức án nhẹ hơn mức án của đại diện Viện kiểm sát đề nghị.

*Luật sư Ngô Quốc Chiến trình bày lời bào chữa cho bị cáo Bùi Nhật T: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện việc T chỉ rủ T đi đến dần mặt anh em C, T. Bị cáo T cầm con dao rựa tới đã bị T ở trong nhà cầm dao xông ra chém vào vai, lưng của T. Khi T đã nằm xuống, bị cáo T tiếp tục dùng dao chém vào chân T. Chính vì hành vi này nếu không có sự can ngăn của T thì T sẽ là bị hại. Hành vi của bị cáo T là nằm ngoài ý thức chủ quan của bị cáo T. Nếu như không có T thì T sẽ gây thương tích cho các bị cáo khác nữa. Tại thời điểm phạm tội là buổi tối, bị cáo T thuận tay phải nhưng cầm tay trái để chém bị hại mục đích giải vây cho T chứ không nhằm mục đích tước đoạt tính mạng của T. Từ những căn cứ trên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo Bùi Nhật T không phạm tội.

- Các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là người nhà của các bị cáo phát biểu: Đối với tổng số tiền 185.000.000đ mà gia đình các bị cáo đã bồi thường cho bị hại, cụ thể: Ông Nguyễn Xuân K là cha của bị cáo Nguyễn Sang T bồi thường số tiền 111.000.000đ; bà Nguyễn Thị T là mẹ của bị cáo Nguyễn Văn H bồi thường số tiền 17.000.000đ; bà Ngô Thị T là mẹ của bị cáo Lê Hoài P bồi thường số tiền 17.000.000đ; bà Nguyễn Thị H là mẹ bị cáo Bùi Nhật T bồi thường số tiền 10.000.000đ; ông Phạm Văn H là cha của bị cáo Phạm Văn H bồi thường số tiền 10.000.000đ; bà Ngô Thị V là mẹ của bị cáo Nguyễn Quốc H bồi thường số tiền 10.000.000đ; ông Nguyễn Văn S là cha của bị cáo Nguyễn Vũ T bồi thường số tiền 10.000.000đ thì không yêu cầu các bị cáo phải hoàn trả lại số tiền này và chỉ mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Tỉnh Bình Phước, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh Bình Phước, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Luật sư bào chữa cho các bị cáo, đại diện hợp pháp của bị hại không có người nào có ý kiến hoặc KH nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Sang T, Nguyễn Văn H, Bùi Nhật T, Phạm Văn H, Lê Hoài P, Nguyễn Quốc H và Nguyễn Vũ T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước đã truy tố. Xét lời khai nhận tội của các bị cáo cơ bản thống nhất với nhau, phù hợp với lời khai của người làm chứng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về thời gian, địa điểm thực hiện hành vi phạm tội, đồng thời phù hợp với Biên bản khám nghiệm hiện trường, bản Kết luận giám định pháp y về AND, bản Kết luận giám định pháp y về tử thi, Biên bản thực nghiệm điều tra, vật chứng của vụ án, những tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập có tại hồ sơ vụ án và được xét hỏi công khai tại phiên tòa. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận:

Do quen biết với nhau từ trước nên ngày 14/8/2018 Nguyễn Sang T nhờ Nguyễn Văn H đem đến cho Vũ Văn T mượn số tiền 55 triệu đồng mà không thỏa thuận trước lãi suất cho vay, em của T là Vũ Văn C đứng ra nhận trách nhiệm trả số nợ này cho T bao gồm cả gốc và lãi. Do sợ T bỏ trốn nên H yêu cầu C nếu “T vay trong thời gian từ 01 đến 02 ngày thì sẽ không tính lãi, nếu để lâu thì sẽ tính lãi cao (10.000đ/triệu/ngày)”, T không đồng ý cách tính tiền lãi mà H yêu cầu nên xảy ra mâu thuẫn với T rồi thách thức đánh nhau. T chuẩn bị 01 con dao rựa (dài 80 x 6,5cm cán bằng gỗ dài 50cm; lưỡi dao bằng kim loại dài 30cm, phần lưỡi dao được mài sắc, mũi dao nhọn) và 03 khúc tầm vông (dài khoảng từ 1,34m đến 1,45m, đường K 04 cm) là hung khí nguy hiểm rồi rủ thêm Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H, Bùi Nhật T, Phạm Văn H, Nguyễn Quốc H, Lê Hoài P và Nguyễn Vũ T đi đến phòng trọ của C để đánh nhóm của C và T thì tất cả đồng ý, riêng Nguyễn Văn T do có quen với T nên T chở T đi mục đích để nói chuyện, giải hòa.

Khi đi thì T, P và T là người chạy xe máy chở các T viên trong nhóm, còn Nguyễn Văn H, Phạm Văn H, Nguyễn Quốc H cầm mỗi người một khúc cây tầm vông, T cầm con dao rựa. Khi tất cả cùng đến phòng trọ của C thì T dùng cây tầm vông định đánh Vũ Đình U thì được T can ngăn, giật lấy cây của T và vứt xuống đất. Do thấy T cầm dao rựa đi vào nên T cầm 01 con dao tự chế dài 62cm chạy ra thì T cầm con dao rựa ném về phía T nhưng không trúng, T cầm dao chém vào lưng làm T ngã ngửa xuống đất sau đó tiếp tục cầm dao chém T vào chân trái thì T nhặt con dao rựa mà T đã ném T trước đó ở dưới đất lên chém T 01 nhát từ trên xuống vào đầu làm T bị đứt sọ, giáp não xuất huyết, hôn mê sâu không hồi phục dẫn đến tử vong.

Hành vi của các bị cáo Nguyễn Sang T, Nguyễn Văn H, Bùi Nhật T, Phạm Văn H, Lê Hoài P, Nguyễn Quốc H và Nguyễn Vũ T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Giết người”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 123 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, khi thực hiện tội phạm các bị cáo hoàn toàn nhận thức được việc tước đoạt sinh mạng của người khác là vi phạm pháp luật và sẽ bị pháp luật nghiêm trị. Nhưng, chỉ vì mâu thuẫn nhỏ nhặt trong việc vay mượn tiền, không thống nhất được cách tính lãi suất dẫn đến mâu thuẫn thách thức nhau qua điện thoại, các bị cáo có thời gian để lựa chọn cách giải quyết phù hợp nhưng các bị cáo lại xử sự một cách ngang ngược, coi thường pháp luật, coi thường sức khỏe, tính mạng của người khác, muốn giải quyết mâu thuẫn bằng bạo lực đã chuẩn bị hung khí, tập hợp cùng nhau nhằm tước đi sinh mạng của bị hại; riêng bị cáo Bùi Nhật T đã bị kết án về tội rất nghiêm trọng do cố ý, chưa được xóa án tích về tội “Cướp tài sản” theo Bản án số 128/2013/HSST ngày 13/12/2013 của Tòa án nhân dân thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội “Giết người”. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước truy tố các bị cáo Nguyễn Sang T, Nguyễn Văn H, Phạm Văn H, Lê Hoài P, Nguyễn Quốc H và Nguyễn Vũ T về tội “Giết người” với tình tiết định khung “Có tính chất côn đồ” theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; truy tố bị cáo Bùi Nhật T về tội “Giết người” với tình tiết định khung “Có tính chất côn đồ” và “Tái phạm nguy hiểm” theo quy định tại các điểm n, p khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Hành vi và hậu quả mà các bị cáo gây ra là đặc biệt nghiêm trọng, xâm phạm đến tính mạng của bị hại là khách thể đặc biệt được pháp luật hình sự ưu tiên bảo vệ. Hành vi của các bị cáo gây đau thương mất mát vô cùng lớn cho gia đình nạn nhân; ngoài ra còn gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương. Vì vậy, cần xử phạt các bị cáo với mức án thật nghiêm, tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm.

[3]. Đây là vụ án đồng phạm, cần phân tích vai trò và nhân thân của từng bị cáo trong vụ án để áp dụng hình phạt phù hợp với tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra.

Bị cáo Nguyễn Sang T giữ vai trò chính là người chủ mưu, khởi xướng, chuẩn bị hung khí 01 con dao rựa và 03 khúc tầm vông, rủ các bị cáo khác đi tìm bị hại để đánh, đồng thời là người trực tiếp thực hiện hành vi cầm dao rựa chém bị hại dẫn đến tử vong. Hành vi của bị cáo thể hiện sự côn đồ, hung hãn, muốn giải quyết mâu thuẫn bằng bạo lực, nên cần thiết phải xử phạt bị cáo mức án cao hơn so với các bị cáo khác.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn H là đồng phạm trong vụ án tham gia với vai trò là người giúp sức về mặt tinh thần, tuy không trực tiếp thực hiện hành vi giết bị hại nhưng khi biết được T mâu thuẫn với anh em C, T và chuẩn bị hung khí để đi đánh nhau nhưng H không khuyên ngăn T mà tiếp nhận ý chí của T tự nhặt 01 khúc cây tầm vông do T chuẩn bị trước đó lên xe của T ngồi cùng T để đi đánh bị hại. Hành

vi của bị cáo thể hiện coi thường pháp luật, nên cũng cần phải xử phạt bị cáo với mức án tương xứng.

Đối với bị cáo Bùi Nhật T là đồng phạm trong vụ án với vai trò là người giúp sức về mặt tinh thần, khi được T gọi điện thoại nói lên nhà “có chuyện” thì T hiểu được ý định của từ “có chuyện” là có mâu thuẫn cần giải quyết và đồng ý lên nhà T để giúp T, T là người rủ Nguyễn Vũ T, đi đón Phạm Văn H đến nhà T và là người nhặt con dao rựa mà T chuẩn bị trước đó, điều khiển xe mô tô chở Phạm Văn H và T đi đến phòng trọ của bị hại để giải quyết mâu thuẫn, khi đi đến phòng trọ của bị hại chính T là người cầm con dao rựa ném về phía bị hại. Hành vi của bị cáo thể hiện sự hung hăng, hưởng ứng việc đánh nhau một cách tích cực, bị cáo đã có tiền án chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội mới nên cũng cần phải xử phạt bị cáo với mức án tương xứng.

Đối với các bị cáo Phạm Văn H, Lê Hoài P, Nguyễn Quốc H và Nguyễn Vũ T là đồng phạm trong vụ án với vai trò là người giúp sức về mặt tinh thần. Các bị cáo khi được T nói “Anh em nhà C và T mượn tiền nhưng không trả mà còn thách thức đánh nhau và rủ tất cả đi tìm C và T để đánh” thì tất cả đồng ý, khi đi đến phòng trọ của bị hại, bị cáo Phạm Văn H và H cầm mỗi người một khúc cây tầm vông do T đưa, bị cáo T điều khiển xe chở T và Phạm Văn H, bị cáo P điều khiển xe chở H đi theo T để cùng đánh anh em C, T. Mặc dù các bị cáo không trực tiếp thực hiện hành vi giết bị hại, tuy nhiên tất cả đã cùng nhau tiếp nhận ý chí của bị cáo T thể hiện bằng hành động cùng cầm hung khí và đi theo bị cáo T đến phòng trọ của C, T nhằm giải quyết mâu thuẫn, các bị cáo giúp sức về mặt tinh thần và để mặc cho hậu quả xảy ra, nên phải chịu hậu quả do hành vi của bị cáo T gây ra trong vụ án là có căn cứ. Hành vi của các bị cáo thể hiện sự coi thường pháp luật, nên cũng cần phải xử phạt các bị cáo với mức án tương xứng.

[4]. Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy:

Các bị cáo là những người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; sau khi phạm tội đã ra đầu thú; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; trong vụ án này bị hại cũng có một phần lỗi. Đây là các tình tiết giảm trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; riêng bị cáo Bùi Nhật T là người có nhân thân xấu vào năm 2013 bị Tòa án nhân dân T phố Đồng Xoài xử phạt 05 năm tù giam về tội “Cướp tài sản”, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt ngày 10/5/2017 chưa được xóa án tích về tội rất nghiêm trọng do cố ý lại tiếp tục cố ý phạm tội mới, lần phạm tội này bị cáo thuộc trường hợp “Tái phạm nguy hiểm” là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, tình tiết “Tái phạm nguy hiểm” này đã là dấu hiệu định khung hình phạt của tội “Giết người” tại điểm p khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự nên không được coi là tình tiết tăng nặng áp dụng đối với bị cáo; riêng bị cáo Nguyễn Quốc H từng bị vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, bị cáo bị áp dụng biện pháp giáo dục và cai nghiện tự nguyện tại cộng đồng, tuy nhiên bị cáo đã chấp hành xong thời hạn giáo dục và đợt cai nghiện tại cộng đồng (có giấy chứng nhận).

Các bị cáo sau khi phạm tội đã tác động gia đình bồi thường khắc phục một phần hậu quả cho bị hại với tổng số tiền 185.000.000đ, cụ thể: Ông Nguyễn

Xuân K là cha của bị cáo Nguyễn Sang T bồi thường số tiền 111.000.000đ; bà Nguyễn Thị T là mẹ của bị cáo Nguyễn Văn H bồi thường số tiền 17.000.000đ; bà Ngô Thị T là mẹ của bị cáo Lê Hoài P bồi thường số tiền 17.000.000đ; bà Nguyễn Thị H là mẹ bị cáo Bùi Nhật T bồi thường số tiền 10.000.000đ; ông Phạm Văn H là cha của bị cáo Phạm Văn H bồi thường số tiền 10.000.000đ; bà Ngô Thị V là mẹ của bị cáo Nguyễn Quốc H bồi thường số tiền 10.000.000đ; ông Nguyễn Văn S là cha của bị cáo Nguyễn Vũ T bồi thường số tiền 10.000.000đ. Do đó các bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Ngoài ra, gia đình bị cáo T là gia đình có công với cách mạng, bị cáo có ông nội Nguyễn Xuân Hường được nhà nước tặng huy chương kháng chiến hạng nhất, bác ruột Nguyễn Xuân Viễn là liệt sỹ, bố ruột của bị cáo là bộ đội tình nguyện tham gia chiến tranh bảo vệ tổ quốc làm nhiệm vụ quốc tế đã xuất ngũ. Bị cáo T có ông nội Bùi Viết Khoản và ông ngoại Nguyễn Văn Tảo là những người có công với cách mạng được nhà nước tặng thưởng huy chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Bị cáo T, P được đại diện hợp pháp của bị hại là ông Vũ Ngọc S có đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt. Gia đình bị cáo Lê Hoài P có hoàn cảnh khó khăn neo đơn, bị cáo P là lao động chính trong gia đình phải nuôi mẹ là bà Ngô Thị T thường xuyên bị đau ốm. Tại phiên tòa các bị cáo được đại diện hợp pháp của bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Đây là tình tiết giảm trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017

Trong vụ án do các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên cần áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự để xử phạt các bị cáo mức án tù có thời hạn dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật. Riêng bị cáo T không được áp dụng điều khoản này.

[5]. Về bồi thường thiệt hại:

Tại phiên tòa, ông Vũ Ngọc S là người đại diện hợp pháp của bị hại Vũ Văn T yêu cầu các bị cáo phải liên đới bồi thường cho bị hại tiền tổn thất về tinh thần với số tiền là 120.000.000đ (Một trăm hai mươi triệu đồng). Các bị cáo đồng ý liên đới bồi thường toàn bộ số tiền này.

Xét thấy thỏa thuận giữa các bên là tự nguyện, phù hợp với quy định tại các Điều 584, 585, 586, 591 Bộ luật dân sự 2015 cần được công nhận.

Do trong quá trình nghị án bị cáo Lê Hoài P đã tác động gia đình bồi thường khắc phục trước cho bị hại số tiền 17.000.000đ (Mười bảy triệu đồng) nên sau khi số tiền mà bị cáo phải bồi thường cho bị hại được khấu trừ đi một phần số tiền mà gia đình bị cáo đã khắc phục thay cho bị cáo là có căn cứ.

[6]. Về xử lý vật chứng của vụ án:

- Đối với: 01 đoạn cây khô (loại tre tầm vông), dài 1,45m, đường K 04cm; 01 đoạn cây khô (loại tre tầm vông), dài 1,34m, đường K 04cm tại vị trí số 1; 01 con dao rựa (dạng dao phát), kích thước (80 x 6,5)cm, cán dao bằng gỗ dài 50cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 30cm, phần lưỡi dao được mài sắc gọn, mũi dao nhọn, kiểm tra trên đầu của lưỡi dao có vết màu nâu đỏ đã khô bám dính (nghỉ là máu) tại vị trí số 1; 01 con dao tự chế bằng kim loại, kích thước (62 x 05)cm, cán dài 17cm, phần lưỡi dài 45cm, bị uốn cong, phần lưỡi dao được mài sắc gọn, mũi dao

nhọn, kiểm tra trên đầu của lưỡi dao có vết màu nâu đỏ đã khô bám dính (nghĩ là máu) tại vị trí số 1; 02 ghế nhựa màu đỏ; 01 mũ bảo hiểm màu trắng, trên mũ có chữ HONDA – YAMAHA TUỒNG VÂN; 01 đôi dép đế quai kẹp kích thước (25 x 10)cm, dạng hai quai, màu xanh, trên dép có ghi chữ CONVERSE; 01 đôi dép đế quai kẹp có cùng kích thước (26,5 x 10,5)cm, dạng hai quai màu vàng, trên dép có chữ CHAOF A; 01 đôi dép dạng quai ngang màu xám, kích thước (27 x 10,5)cm; 01 áo sơ mi màu trắng dài tay của Nguyễn Sang T, trên cổ áo có hoa văn hình lông chim màu xanh đen, có chữ GARMENT ORIGINAL.

Xét các vật chứng nêu trên là hung khí dùng vào việc phạm tội và các đồ vật còn lại không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

- Đối với: 01 điện thoại Iphone 6S plus màu đen – xám, số sim: 01627.111.114 và 01 điện thoại Nokia 105 màu đen, số sim: 01685.999.993 của bị cáo Lê Hoài P là tài sản hợp pháp của bị cáo Lê Hoài P không liên quan đến vụ án cần trả lại cho bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với các vật chứng đã được Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật, nên không xử lý lại.

[7]. Đối với số tiền 55.000.000đ Nguyễn Sang T cho Vũ Văn T vay có dấu hiệu của tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Tuy nhiên, do Vũ Văn T đã chết và thực tế Nguyễn Sang T chưa thu lợi từ việc cho vay nên không có căn cứ để xử lý. Hiện nay, Nguyễn Sang T không có yêu cầu bị hại bồi thường lại số tiền trên nên không đề cập xử lý.

[8]. Đối với Nguyễn Văn T có hành vi chở Nguyễn Sang T đi đến phòng trọ của Vũ Văn C. Tuy nhiên, mục đích của T chở T đi là để can ngăn, giải hòa. Khi T giơ cây đánh U thì T ôm, giật lấy cây của T can ngăn nên hành vi của T không đủ yếu tố cấu T tội Giết người với vai trò đồng phạm. Do đó, không xem xét xử lý hình sự đối với Nguyễn Văn T.

[9]. Đối với thương tích của Bùi Nhật T là do Vũ Văn T gây ra, do Vũ Văn T đã chết và Bùi Nhật T không có yêu cầu nên không đề cập xử lý.

[10]. Đối với Vũ Văn C có hành vi cầm dao đuổi theo Phạm Văn H và Nguyễn Vũ T. Tuy nhiên, mục đích của C là nhằm tự vệ và chưa gây ra hậu quả gì và khu vực này là nhà trọ, không phải nơi công cộng nên không đề cập xử lý.

[11]. Hành vi đánh bạc của Vũ Văn T cùng các đối tượng khác, do T đã chết, nên không có căn cứ xác định các đối tượng đánh bạc cùng với T nên không đề cập xử lý.

[12]. Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[13]. Quan điểm của những người bào chữa cho các bị cáo tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chuyển tội danh bị cáo Nguyễn Sang T từ tội “Giết người” sang tội “Cố ý gây thương tích” theo khoản 4 Điều 134 Bộ luật Hình sự; xét xử các

bị cáo theo khoản 2 Điều 123 Bộ luật Hình sự, không áp dụng tình tiết định khung “Có tính chất côn đồ” tại điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự năm 2015 và tuyên bị cáo Bùi Nhật T không phạm tội là không phù hợp nên không được chấp nhận;

[14]. Về án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. *Về tội danh:* Tuyên bố các bị cáo **Nguyễn Sang T, Nguyễn Văn H, Bùi Nhật T, Phạm Văn H, Lê Hoài P** (tên gọi khác: Cò), **Nguyễn Quốc H** (tên gọi khác: Cún) và **Nguyễn Vũ T** phạm “Tội Giết người”,

[2]. *Về hình phạt:*

1. Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 38; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Sang T 12 (Mười hai)** năm tù; thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/8/2018.

2. Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 38; Điều 50; Điều 54; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn H 07 (Bảy)** năm tù; thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 15/01/2019; được khấu trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 21/8/2018 đến ngày 30/8/2018.

3. Áp dụng các điểm n, p khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 38; Điều 50; Điều 54; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo **Bùi Nhật T 09 (Chín)** năm tù; thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 15/01/2019; được khấu trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 21/8/2018 đến ngày 30/8/2018.

4. Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 38; Điều 50; Điều 54; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo **Phạm Văn H 07 (Bảy)** năm tù; thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 15/01/2019; được khấu trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 21/8/2018 đến ngày 30/8/2018.

5. Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 38; Điều 50; Điều 54; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo **Lê Hoài P** (tên gọi khác: Cò) **07 (Bảy)** năm tù; thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 15/01/2019; được khấu trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 16/8/2018 đến ngày 25/8/2018.

6. Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 38; Điều 50; Điều 54; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Quốc H** (tên gọi khác: Cún) **07 (Bảy)** năm tù; thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 15/01/2019;

7. Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 38; Điều 50; Điều 54; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Vũ T 07 (Bảy)** năm tù; thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 15/01/2019; được khấu trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 21/8/2018 đến ngày 30/8/2018.

[3]. *Về bồi thường thiệt hại:* Áp dụng Điều 584, 585, 586, 591 Bộ luật Dân sự năm 2015, công nhận sự thỏa thuận giữa các bị cáo với ông Vũ Ngọc S đại diện hợp pháp của bị hại:

- Buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường cho người đại diện hợp pháp của bị hại ông Vũ Ngọc S số tiền 120.000.000đ (Một trăm hai mươi triệu đồng). Cụ thể, các bị cáo Nguyễn Sang T, Nguyễn Văn H, Bùi Nhật T, Phạm Văn H, Lê Hoài P, Nguyễn Quốc H và Nguyễn Vũ T mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền 17.143.000 đồng (Mười bảy triệu một trăm bốn mươi ba nghìn đồng) cho người đại diện hợp pháp của bị hại ông Vũ Ngọc S.

- Ghi nhận bị cáo Lê Hoài P đã bồi thường cho người đại diện hợp pháp của bị hại ông Vũ Ngọc S số tiền 17.000.000đ (Mười bảy triệu đồng), nên bị cáo Lê Hoài P phải tiếp tục bồi thường cho người đại diện hợp pháp của bị hại ông Vũ Ngọc S số tiền 143.000 đồng (Một trăm bốn mươi ba nghìn đồng).

- Không đặt ra xem xét đối với số tiền 185.000.000đ (Một trăm tám mươi lăm triệu đồng) mà gia đình các bị cáo đã bồi thường cho bị hại thay cho các bị cáo.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[4]. *Về xử lý vật chứng*: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015, tuyên:

+ Tịch thu tiêu hủy:

- Đối với: 01 đoạn cây khô (loại tre tầm vông), dài 1,45m, đường K 04cm; 01 đoạn cây khô (loại tre tầm vông), dài 1,34m, đường K 04cm tại vị trí số 1; 01 con dao rựa (dạng dao phát), kích thước (80 x 6,5)cm, cán dao bằng gỗ dài 50cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 30cm, phần lưỡi dao được mài sắc gọn, mũi dao nhọn, kiểm tra trên đầu của lưỡi dao có vết màu nâu đỏ đã khô bám dính (nghĩ là máu) tại vị trí số 1; 01 con dao tự chế bằng kim loại, kích thước (62 x 05)cm, cán dài 17cm, phần lưỡi dài 45cm, bị uốn cong, phần lưỡi dao được mài sắc gọn, mũi dao nhọn, kiểm tra trên đầu của lưỡi dao có vết màu nâu đỏ đã khô bám dính (nghĩ là máu) tại vị trí số 1; 02 ghế nhựa màu đỏ; 01 mũ bảo hiểm màu trắng, trên mũ có chữ HONDA – YAMAHA TUỒNG VÂN; 01 đôi dép đế quai kẹp kích thước (25 x 10)cm, dạng hai quai, màu xanh, trên dép có ghi chữ CONVERSE; 01 đôi dép đế quai kẹp có cùng kích thước (26,5 x 10,5)cm, dạng hai quai màu vàng, trên dép có chữ CHAOFÀ; 01 đôi dép dạng quai ngang màu xám, kích thước (27 x 10,5)cm; 01 áo sơ mi màu trắng dài tay của Nguyễn Sang T, trên cổ áo có hoa văn hình lông chim màu xanh đen, có chữ GARMENT ORIGINAL.

- Trả lại cho bị cáo Lê Hoài P: 01 điện thoại Iphone 6S plus màu đen – xám, số sim: 01627.111.114 và 01 điện thoại Nokia 105 màu đen, số sim: 01685.999.993.

[5]. *Án phí*:

- Án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo Nguyễn Sang T, Nguyễn Văn H, Bùi Nhật T, Phạm Văn H, Lê Hoài P, Nguyễn Quốc H và Nguyễn Vũ T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đ (Hai trăm nghìn đồng).

- Án phí dân sự sơ thẩm: Các bị cáo Nguyễn Sang T, Nguyễn Văn H, Bùi Nhật T, Phạm Văn H, Nguyễn Quốc H và Nguyễn Vũ T mỗi bị cáo phải chịu 857.000 đ (Tám trăm năm mươi bảy nghìn đồng), Bị cáo Lê Hoài P phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

[6]. *Quyền kháng cáo*: Các bị cáo, đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND cấp cao tại TP.HCM (2)
- Viện kiểm sát ND tỉnh Bình Phước; (P1,1)
- CSĐT - Công an tỉnh Bình Phước; (1)
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước; (1)
- PC 01, PV 06 Công an tỉnh; (2)
- Cục Thi hành án DS tỉnh Bình Phước; (1)
- Các bị cáo; (7)
- Trại giam Công an tỉnh (7)
- Đại diện bị hại; (1)
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Nga (đã ký)

- Người bảo chữa; (7);
- Lưu Hồ sơ; Tnv; Công thông tin để Công bố;